

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO
VẬN TÂN CẢNG
TAN CANG WAREHOUSING
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 383/BC-TCW
No: 383/BC-TCW

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 28, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
FOR FIRST 6 MONTHS OF 2026**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Name of company: TAN CANG WAREHOUSING JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address of headoffice: Tan Cang – Cat Lai Terminal, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại: 028.37423929
Telephone: +8428.37423929

Fax:
Fax:

Email: info.tcw@saigonnewport.com.vn
Email: info.tcw@saigonnewport.com.vn

**CÔNG TY CỔ
PHẦN KHO
VẬN TÂN CẢNG**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
DN: C=VN, L="Cảng Tân cảng - Cát lái, Phường Cát Lái, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh",
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0309532497,
O=CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG,
E=vanntt@saigonnewport.com.vn, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Reason: I am the author of this document
Location: KHKD12345
Date: 2026-07-28 08:37:40
Foxit Reader Version: 9.6.0

- Vốn điều lệ: 199.910.200.000 đồng.
Charter capital: VND 199.910.200.000.
- Mã chứng khoán: TCW.
Stock Code: TCW.
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.
Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.
The implementation of internal audit: Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ *Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ 01/2026/NQ-DHDCD	21/5/2026	- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. <i>Approval of the Board of Directors' activity report for 2025, the business results for 2025 and the business plans for 2026.</i> - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025. <i>Approval of the Board of Supervisors's report for 2025.</i>

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			- Thông qua báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội. <i>Approval of the audited separate and consolidated financial statements for 2025, audited by A&C Auditing and Consulting Company Limited - Hanoi Branch.</i> - Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức chia cổ tức năm 2025 và kế hoạch năm 2026. <i>Approval of the profit distribution proposal for 2025 and the profit distribution plan for 2026.</i> - Thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch chi trả thù lao năm 2026. <i>Approval of the remuneration payment proposal for the Board of Directors and the Board of Supervisors for 2025, and the remuneration payment plan for 2026.</i> - Thông qua việc chấp thuận, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026. <i>Approval of the salary, remuneration and bonus fund for implementation for 2025 and the plan for 2026.</i> - Thông quan việc chấp thuận ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ). <i>Approval of the proposal to approve the signing of contracts and transactions between the company and Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation (parent company).</i>

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			- Thông qua việc cập nhật ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ công ty. <i>Approval of the update of business lines and amendment of the Company Charter.</i> - Thông qua việc xử lý xóa sổ nợ không có khả năng thu hồi. <i>Approval of the write-off of uncollectible debts.</i> - Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026. <i>Approval of the proposal to select the auditing firm for 2026.</i>

II. Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors (BOD):*

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Ngô Văn Ngự <i>Mr. Ngo Van Ngu</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>	29/5/2025	-
2	Ông Đỗ Thanh Trường <i>Mr. Do Thanh Truong</i>	Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Member of the BOD/Director</i>	29/5/2025	-

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
3	Ông Trần Quang Thảo <i>Mr. Tran Quang Thao</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	29/5/2025	-
4	Ông Đoàn Phi <i>Mr. Doan Phi</i>	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc <i>Member of the BOD/Deputy Director</i>	29/5/2025	-
5	Ông Trịnh Văn Mọi <i>Mr. Trinh Van Moi</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	29/5/2025	-

2. Các cuộc họp HĐQT/ *Meetings of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Ngô Văn Ngự <i>Mr. Ngo Van Ngu</i>	8/8	100%	-
2	Ông Đỗ Thanh Trường <i>Mr. Do Thanh Truong</i>	8/8	100%	-
3	Ông Trần Quang Thảo <i>Mr. Tran Quang Thao</i>	8/8	100%	-

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
4	Ông Đoàn Phi <i>Mr. Doan Phi</i>	8/8	100%	-
5	Ông Trịnh Văn Mọi <i>Mr. Trinh Van Moi</i>	8/8	100%	-

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã tổ chức 08 phiên họp, đã chỉ đạo kịp thời, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế sản xuất của Công ty để đề ra các Nghị quyết sát đúng, hiệu quả.

In first 06 months in 2026, the Board of Directors held 08 meetings to promptly direct and supervise the Company's business activities, ensuring effectiveness and compliance with current legal regulations. The Board of Directors closely followed the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the actual production situation of the Company to issue accurate and effective Resolutions.

Hàng quý, Hội đồng quản trị đã nghe Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các chủ trương định hướng đồng thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Ban điều hành. Các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và lợi ích của cổ đông.

Quarterly, The Board of Directors listened to the Executive Board's reports on the company's business operations and investment activities, promptly providing policy directions and resolving arising issues within their authority, creating the most favorable conditions for the Executive Board's operations. All targets were met as planned, ensuring stable income for employees and the benefits of shareholders.

P

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc/ *Activities of the Board of Directors subcommittees (If any): The Board of Directors has not yet established any subordinate committees.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors:*

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	08/NQ-HĐQT 08/NQ-HDQT	15/01/2026	- Thông qua chủ trương đầu tư 01 xe nâng hàng. <i>Approved the investment in one (01) forklift truck.</i>	100%
2	09/NQ-HĐQT 09/NQ-HDQT	10/3/2026	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. <i>Approved the record date for finalizing the list of shareholders entitled to attend the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
3	10/NQ-HĐQT 10/NQ-HDQT	27/3/2026	- Thông qua Báo cáo kết quả SXKD Quý 4/2025 và cả năm 2025; Dự kiến kế hoạch SXKD Quý 1/2026 và cả năm 2026. <i>Approved the report on business results for the Quarter 4/2025 and 2025; and the proposed business plan for the Quarter 1/2026 and 2026.</i> - Thông qua chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng với các bên có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. <i>Approved the execution of contracts and transactions between Tan Cang Warehousing Joint Stock Company</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>and its related parties falling under the authority of the Board of Directors.</i> - Thông qua một số nội dung khác. <i>Approved certain other matters.</i>	
4	11/NQ-HĐQT 11/NQ-HĐQT	08/4/2026	- Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. <i>Approved the extension of the time for holding the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
5	12/NQ-HĐQT 12/NQ-HĐQT	23/4/2026	- Thông qua chủ trương xử lý tài chính đối với khoản nợ phải thu khó đòi không có khả năng thu hồi của khách hàng Công ty TNHH Innopack Việt Nam và thành lập Hội đồng xử lý nợ. <i>Approved the policy on financial settlement of the doubtful receivable deemed uncollectible from Innopack Vietnam Co., Ltd. and the establishment of the Debt Settlement Council.</i> - Thông qua một số nội dung khác. <i>Approved certain other matters.</i>	100%
6	13/NQ-HĐQT 13/NQ-HĐQT	28/4/2026	- Thông qua việc xử lý tài chính nợ phải thu khó đòi không có khả năng thu hồi đối với khách hàng Công ty TNHH Innopack Việt Nam.	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Approved the financial settlement of the doubtful receivable deemed uncollectible from Innopack Vietnam Co., Ltd.</i> - Thông qua dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. <i>Approved the draft meeting documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	
7	14/NQ-HĐQT 14/NQ-HĐQT	10/6/2026	- Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. <i>Approved the payment of the 2025 cash dividend.</i>	100%
8	15/NQ-HĐQT 15/NQ-HĐQT	19/6/2026	- Thông qua Báo cáo kết quả SXKD Quý 1/2026; Dự kiến kế hoạch SXKD Quý 2/2026 và 06 tháng đầu năm 2026. <i>Approved the report on business results for the Quarter 1/2026; and the business plan for the Quarter 2/2026 and the first 06 months of 2026.</i> - Thông qua một số nội dung khác. <i>Approved certain other matters.</i>	100%

III. Ban kiểm soát / *Board of Supervisors*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of the Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga <i>Ms. Nguyen Thi Thuy Nga</i>	Trưởng Ban kiểm soát <i>Head of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm ngày 29/5/2025 <i>Appointment on 29/5/2025</i>	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
2	Bà Đỗ Phương Thảo <i>Ms. Do Phuong Thao</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm 29/5/2025 <i>Appointment on 29/5/2025</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>
3	Bà Đặng Thùy Trang <i>Ms. Dang Thuy Trang</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>	Bổ nhiệm 29/5/2025 <i>Appointment on 29/5/2025</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát/ *Meetings of the Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga <i>Ms. Nguyen Thi Thuy Nga</i>	4/4	100%	100%	-
2	Bà Đỗ Phương Thảo <i>Ms. Do Phuong Thao</i>	4/4	100%	100%	-
3	Bà Đặng Thùy Trang <i>Ms. Dang Thuy Trang</i>	4/4	100%	100%	-

P

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

- Hội đồng quản trị đã quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

The Board of Directors has managed and directed all activities of the Company in accordance with the law, the Company's Charter, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders.

- Các biên bản họp, nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, thể hiện đúng định hướng chiến lược phát triển theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty.

The meeting minutes and resolutions issued by the Board of Directors have followed the proper procedures and authority, reflecting the strategic development direction in line with the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Company's Charter.

- Việc giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, đến nay, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện vai trò quản lý và điều hành Công ty theo kế hoạch năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Regarding the supervision of the Board of Directors and the Board of Management, the Board of Supervisors has observed that the Board of Directors and the Board of Management have fulfilled their roles in managing and operating the Company according to the plan for 2026 approved by the General Meeting of Shareholders.

* Đối với hoạt động của Ban Giám đốc:

Regarding the activities of the Board of Management:

- Ban Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

The Board of Management has completed its management and operational duties in accordance with the Company's Charter, the resolutions of the General Meeting of Shareholders, and the resolutions of the Board of Directors.

- Ban Giám đốc thường xuyên tiến hành các cuộc họp nhằm rà soát việc thực hiện kế hoạch và có các biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị.

The Board of Management regularly holds meetings to review the implementation of the plan and make adjustments suitable to the actual production and business situation of the Company, regularly reporting on production and business activities and providing recommendations to the Board of Directors.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được Ban Giám đốc triển khai kịp thời, đảm bảo tiến độ, đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

The resolutions of the Board of Directors have been promptly implemented by the Board of Management, ensuring progress and meeting the production and business requirements of the Company for the year.

- Các quy trình hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, giữ vững an ninh trật tự, các chế độ, quyền lợi của người lao động, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, nội quy lao động, thỏa ước tập thể,...

The Company's operating processes comply with legal regulations, ensuring safety in labor production, maintaining security and order, and protecting the rights and benefits of employees in accordance with labor laws, the Company's Charter, labor regulations, and collective agreements, etc.

- Không thấy có điều bất thường trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

No unusual issues have been observed in the operations of the Board of Directors and the Board of Management.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tạo điều kiện để hoàn thành công việc, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

During the execution of its duties, the Board of Supervisors has been provided with the necessary conditions by the Board of Directors and the Board of Management to complete its work, including access to information and documents for inspection and supervision.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

The Board of Supervisors has collaborated with the Board of Directors and the Board of Management to implement the Company's duties and business plan.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có.
Other activities of the Board of Supervisors (if any): None.

IV. Ban điều hành / *Board of Management*

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Ông Đỗ Thanh Trường <i>Mr. Do Thanh Truong</i>	1976	Thạc sỹ <i>Master's Degree</i>	Bổ nhiệm 22/4/2024 <i>Appointment on 22/4/2024</i>
2	Ông Đoàn Phi <i>Mr. Doan Phi</i>	1972	Kỹ sư <i>Engineer</i>	Bổ nhiệm 01/4/2018 <i>Appointment on 01/4/2018</i>
3	Ông Bùi Văn Bằng <i>Mr. Bui Van Bang</i>	1978	Thạc sỹ <i>Master's Degree</i>	Bổ nhiệm 21/5/2021 <i>Appointment on 21/5/2021</i>
4	Ông Nguyễn Văn Hào <i>Mr. Nguyen Van Hao</i>	1984	Kỹ sư <i>Engineer</i>	Bổ nhiệm 09/8/2024 <i>Appointment on 09/8/2024</i>

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghề nghiệp <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of appointment/dismissal</i>
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên <i>Ms. Nguyen Thi Hong Lien</i>	1977	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>	Bổ nhiệm 04/9/2018 <i>Appointment on 04/9/2018</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Trong 06 tháng đầu năm 2026, thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty không tham gia khóa đào tạo nào.

Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: In the first 06 months of 2026, members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director, other managers and secretaries did not participate in any training courses.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty / *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty/ *The list of affiliated persons of the Company:*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
I	Hội đồng quản trị <i>Board of Directors</i>								
1	Ngô Văn Ngự <i>Ngo Van Ngu</i>	-	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>			29/05/2025	-	-	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (36% VDL) Chủ tịch HĐQT

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									<i>Representative of the capital contribution of SNP (36% of charter capital) Chairman</i>
2	Đỗ Thanh Trường <i>Do Thanh Truong</i>	-	Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Member of the BOD/Director</i>			22/4/2024	-	-	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (15% VĐL) Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Representative of the capital contribution of SNP (15% of charter capital) Member of the BOD/Director</i>
3	Trần Quang Thảo <i>Tran Quang Thao</i>		Thành viên HĐQT/Giám đốc <i>Member of the BOD/Director</i>			29/5/2025	-	-	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (4% VĐL) Thành viên HĐQT

P

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									<i>Representative of the capital contribution of SNP (4% of charter capital) Member of the BOD</i>
4	Đoàn Phi <i>Doan Phi</i>		Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc <i>Member of the BOD/Deputy Director</i>	(((		26/4/2018	-	-	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (4% VĐL) Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc <i>Representative of the capital contribution of SNP (4% of charter capital) Member of the BOD/Deputy Director</i>

[illegible]

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
III	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>								
8	Nguyễn Thị Hong Liên <i>Nguyen Thi Hong Lien</i>		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>			04/9/2018	-	-	-
IV	Ban kiểm soát <i>Board of Supervisors</i>								
9	Nguyễn Thị Thúy Nga <i>Nguyen Thi Thuy Nga</i>	-	Trưởng Ban kiểm soát <i>Head of the Board of Supervisors</i>			29/5/2025	-	-	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
10	Đỗ Phương Thảo Do Phuong Thao	-	Thành viên Ban kiểm soát Member of the Board of Supervisors			29/5/2025	-	-	-
11	Đặng Thùy Trang Dang Thuy Trang	-	Thành viên Ban kiểm soát Member of the Board of Supervisors			29/5/2025	-	-	-
V	Người phụ trách quản trị công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin Corporate administrator/Authorized person for information disclosure								
12	Lê Thị Thúy Hồng Le Thi Thuy Hong	-	Người phụ trách quản trị công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin Corporate administrator/ Authorized		1 2 3 4 Chị Minh Cui	26/6/2017	-	-	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/i ndividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
			<i>person for information disclosure</i>						
VI	Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Organization or individual that holds more than 10% of voting shares</i>								
13	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon <i>Newport One Member Limited Liability Corporation</i>	-	Công ty mẹ <i>Parent company</i>	0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM <i>722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	04/01/2010	-	-	Công ty mẹ/Cổ đông lớn sở hữu 59% vốn điều lệ và có 04 người đại diện theo ủy quyền đại diện phần vốn góp (ông Ngô Văn Ngự, ông Đỗ Thanh Trường, ông Đoàn Phi, ông Trần Quang Thảo) <i>The parent company/ major shareholder owns 59% of the charter capital and has 04 authorized representatives</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									for the capital contribution (Mr. Ngo Van Ngu, Mr. Do Thanh Truong, Mr. Doan Phi, Mr. Tran Quang Thao)
VII	Công ty con <i>Subsidiary company</i>								
14	Công ty cổ phần Tiếp Vận Cát Lái <i>Cat Lai Logistics Joint Stock Company</i>	-	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM <i>1295 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	13/7/2010	-	-	Công ty con. TCW sở hữu 57.5% vốn điều lệ. <i>The subsidiary. TCW owns 57,5% of the charter capital.</i>
15	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực <i>Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company</i>	-	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597 30/6/2011 DPI Ho Chi Minh City	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM <i>938A13 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	30/6/2011	-	-	Công ty con. TCW sở hữu 51% vốn điều lệ. <i>The subsidiary. TCW owns 51% of the charter capital.</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
VIII	Công ty liên kết <i>Associate company</i>								
16	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express <i>Newport Joint Stock Company</i>	-	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh <i>9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City</i>	02/4/2021	-	-	Công ty liên kết. TCW sở hữu 36% vốn điều lệ. <i>Associate company. TCW owns 36% of the charter capital.</i>
17	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng <i>Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company</i>	-	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Đình, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh</i>	14/6/2024	-	-	Công ty liên kết. TCW sở hữu 36% vốn điều lệ. <i>Associate company. TCW owns 36% of the charter capital.</i>

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Note: NSH* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organizations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn <i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>	Cổ đông lớn chiếm 59% vốn điều lệ <i>Major shareholder owns 59% of the charter capital</i>	0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P. Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM <i>722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/5/2026 <i>01/2026/NQ-DHDCD dated on 21/5/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 254.068.228.607 đồng. <i>Service provision: VND 254,068,228,607</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 36.219.334.558 đồng. <i>Service receipts: VND 36,219,334,558</i> - Chi trả cổ tức: 27.133.215.000 đồng. <i>Dividend payments: VND 27,133,215,000</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2	Công ty cổ phần Tiếp Vận Cát Lái <i>Cat Lai Logistics Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 1295 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 10A/NQ-HĐQT dated on 27/3/2026	- Cung cấp dịch vụ: 9.367.080.106 đồng. <i>Service provision: VND 9,367,080,106</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 50.380.950.684 đồng. <i>Service receipts: VND 50.380.950.684</i> - Nhận chi trả cổ tức: 3.680.000.000 đồng. <i>Dividend payments received: VND 3.680.000.000</i>	-
3	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực <i>Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597 30/6/2011	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 938A13 Nguyen Thi Dinh, Cat	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 10A/NQ-HĐQT dated on 27/3/2026	- Cung cấp dịch vụ: 4.074.034.914 đồng. <i>Service provision: VND 4.074.034.914</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
			DPI Ho Chi Minh City	Lai Ward, Ho Chi Minh City			- Nhận cung cấp dịch vụ: 202.372.000 đồng. <i>Service receipts: VND 202.372.000</i> - Nhận chi trả cổ tức: 1.530.000.000 đồng. <i>Dividend payments received: VND 1.530.000.000</i>	
4	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express <i>Express Newport Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh <i>9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 235.549.093 đồng. <i>Service provision: VND 235.549.093.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 22.172.213.590 đồng. <i>Service receipts: VND 22.172.213.590</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
5	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng <i>Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 3.709.017.980 đồng. <i>Service provision: VND 3.709.017.980</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 271.320.000 đồng. <i>Service receipt: VND 271.320.000</i>	-
6	Công ty CP Mười Lăm Tháng Ba <i>Muoi Lam Thang Ba Joint Stock Company</i>	Thành viên HĐQT là Giám đốc <i>The member of BOD is Director</i>	0310091416 03/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310091416 03/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	24 Trần Nảo, KP2, P.Bình Trưng, TP.HCM <i>24 Tran Nao, Quarter 2, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 8.561.055.000 đồng. <i>Service receipt: VND 8.561.055.000</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
7	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng <i>Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0304875444 08/3/2007 Sở KHĐT TP.HCM 0304875444 08/3/2007 DPI Ho Chi Minh City	470 đường Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>470 Dong Van Cong Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 233.634.843 đồng. <i>Service provision: VND 233.634.843</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 1.535.738.259 đồng. <i>Service receipt: VND 1.535.738.259</i>	-
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng <i>Tan Cang Technical Services Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0305736891 12/5/2008 Sở KHĐT TP.HCM 0305736891 12/5/2008 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P. Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM <i>722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 18.635.942.155 đồng. <i>Service receipt: VND 18.635.942.155</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
9	Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng <i>Tan Cang Overland Transport Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0305322467 19/11/2007 Sở KHĐT TP.HCM 0305322467 19/11/2007 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 785.267.112 đồng. <i>Service provision: VND 785.267.112</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 1.352.229.825 đồng. <i>Service receipt: VND 1.352.229.825</i>	-
10	Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng <i>Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	3501472714 22/9/2009 Sở KHĐT TP.HCM 3501472714 22/9/2009 DPI Ho Chi Minh City	Cảng Tân cảng - Cái Mép, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Tan Cang - Cai Mep Port, Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 81.250.000 đồng. <i>Service receipt: VND 81.250.000</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
11	Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung <i>Tan Cang Mien Trung Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	4101433293 21/10/2014 Sở KHĐT Gia Lai 4101433293 21/10/2014 DPI Gia Lai Province	Khu vực 8, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai <i>Area 8, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 17.270.000 đồng. <i>Service receipt: VND 17.270.000</i>	-
12	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng <i>Tan Cang Information Technology Solutions Joint Stock Company</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company</i>	0310421671 01/11/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310421671 01/11/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 9.521.677.392 đồng. <i>Service receipt: VND 9.521.677.392</i>	-

P

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
		Group (SNP)						
13	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép <i>Tan Cang – Cai Mep International Terminal Company Limited</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	3501473524 04/9/2009 Sở KHĐT TP.HCM 3501473524 04/9/2009 DPI Ho Chi Minh City	Tầng 7 tòa nhà Saigon Newport, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh <i>7th floor, Saigon Newport Building, Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 12.468.450.000 đồng. <i>Service receipt: VND 12.468.450.000</i>	-
14	Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC <i>Tan Cang – STC Human Resource</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in</i>	0311241960 16/9/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0311241960 16/9/2010	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh <i>1295B Nguyen Thi Dinh Street,</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Nhận cung cấp dịch vụ: 270.037.037 đồng. <i>Service receipt: VND 270.037.037</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHDCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Development Limited Company</i>	<i>the Company Group (SNP)</i>	<i>DPI Ho Chi Minh City</i>	<i>Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City</i>				
15	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu <i>Phu Huu – Newport Corporation</i>	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG) <i>Affiliate company in the Company Group (SNP)</i>	0309444635 22/9/2009 Sở KHĐT TP.HCM 0309444635 22/9/2009 DPI Ho Chi Minh City	Đường Nguyễn Thị Tư, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh <i>Nguyen Thi Tu Street, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City</i>	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 46.252.129 đồng. <i>Service receipt: VND 46.252.129</i>	-
16	Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng hệ thống (TCT TCSG)	0316135980 10/02/2020 Sở KHĐT TP.HCM 0316135980	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 20.076.893 đồng. <i>Service receipt: VND 20.076.893</i>	-

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Tan Cang Container Services Joint Stock Company	Affiliate company in the Company Group (SNP)	10/02/2020 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City				

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Note: NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organizations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không.

Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: None.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Transactions between the Company and other objects:

P

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

Transactions between the Company and the company that its members of the Board of Management, the Board of Supervisors, the Director have been founding members or members of the Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationshi p with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty cổ phần Tiếp Vận Cát Lái <i>Cat Lai Logistics Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 1295 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 10A/NQ-HĐQT dated on 27/3/2026	- Cung cấp dịch vụ: 9.367.080.106 đồng. <i>Service provision: VND 9.367.080.106</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 50.380.950.684 đồng. <i>Service receipts: VND 50.380.950.684</i>	Chủ tịch HĐQT TCW đang là thành viên HĐQT <i>The Chairman of TCW is currently a member of the BOD</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationshi p with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							- Nhận chi trả cổ tức: 3.680.000.000 đồng. <i>Dividend payments received: VND 3.680.000.000</i>	
2	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực <i>Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597 30/6/2011 DPI Ho Chi Minh City	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 938A13 Nguyễn Thị Định, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 <i>10A/NQ-HDQT dated on 27/3/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 4.074.034.914 đồng. <i>Service provision: VND 4.074.034.914</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 202.372.000 đồng. <i>Service receipts: VND 202.372.000</i> - Nhận chi trả cổ tức: 1.530.000.000 đồng. <i>Dividend payments received: VND 1.530.000.000</i>	Chủ tịch HĐQT TCW đang là thành viên HĐQT <i>The Chairman of TCW is currently a member of the BOD</i>

P

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationshi p with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express Express Newport Joint Stock Company	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh 9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 10A/NQ-HĐQT dated on 27/3/2026	- Cung cấp dịch vụ: 235.549.093 đồng. <i>Service provision: VND 235.549.093.</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 22.172.213.590 đồng. <i>Service receipts: VND 22.172.213.590</i>	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc TCW đang là thành viên HĐQT <i>The member of BOD of TCW is currently a member of the BOD</i>
4	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng Tan Cang Warehousing Depot Joint	Công ty liên kết <i>Associate company</i>	0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh 1295B Nguyen Thi Dinh, Cat	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 10A/NQ-HĐQT dated on 27/3/2026	- Cung cấp dịch vụ: 3.709.017.980 đồng. <i>Service provision: VND 3.709.017.980</i> - Nhận cung cấp dịch vụ: 271.320.000 đồng.	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc TCW đang là thành viên HĐQT

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationshi p with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQ T... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Stock Company		DPI Ho Chi Minh City	Lai Ward, Ho Chi Minh			Service receipt: VND 271.320.000	The member of BOD of TCW is currently a member of the BOD
5	Công ty CP Mười Lăm Tháng Ba <i>Muoi Lam Thang Ba Joint Stock Company</i>	Thành viên HĐQT là Giám đốc <i>The member of BOD is Director</i>	0310091416 03/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310091416 03/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	24 Trần Nãi, KP2, P.Bình Trung, TP.HCM 24 Tran Nao, Quarter 2, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City	2026	10A/NQ-HĐQT ngày 27/3/2026 10A/NQ-HĐQT dated on 27/3/2026	- Nhận cung cấp dịch vụ: 8.561.055.000 đồng. Service receipt: VND 8.561.055.000	Thành viên HĐQT TCW đang là Giám đốc <i>The member of BOD of TCW is currently a member of the Director</i>

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không.

Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director and other managers as a member of Board of Directors, Director: None.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không.

Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Director and other managers: None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ ***Share transactions of internal persons and their affiliated persons***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:
The list of internal persons and their affiliated persons:

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Ngô Văn Ngự Ngo Van Ngu		Chủ tịch HĐQT Chairman			0	0	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (36% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution of SNP (36% of charter capital)
1.1	Ngô Thị Ngọc Yến Ngo Thi Ngoc Yen					1.909	0,010%	Em gái Younger sister

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.2	Nguyễn Thị Giang <i>Nguyen Thi Giang</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
1.3	Phạm Quốc Tuấn <i>Pham Quoc Tuan</i>					2.135	0,011%	Em rể <i>Brother-in-law</i>
1.4	Ngô Quang Xuyên <i>Ngo Quang Xuyen</i>					0	0	Anh trai <i>Brother</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.5	Ngô Chí Công Ngo Chi Cong					0	0	Con trai Son
1.6	Ngô Gia Bảo Ngo Gia Bao					0	0	Con trai Son
1.7	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation			0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (36% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution (36% of charter capital)



Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.8	Công ty CP Tiếp Vận Cát Lái Cat Lai Logistics Joint Stock Company			0310151760 13/7/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310151760 13/7/2010 DPI Ho Chi Minh City	1295 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 91295 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.
1.9	Công ty CP Tân Cảng Hiệp Lực Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company			0310959597 30/6/2011 Sở KHĐT TP.HCM 0310959597 30/6/2011 DPI Ho Chi Minh City	938A13 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, TP.HCM 938A13 Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2	Đỗ Thanh Trương Do Thanh Truong		Thành viên HĐQT/ Giám đốc Member of the BOD/ Director			3.823	0,019%	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (15% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution of SNP (15% of charter capital)
2.1	Vũ Thị Phương Hoa Vu Thi Phuong Hoa					5.083	0,025%	Vợ Wife
2.2	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation			0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, HCMC	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (15% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution (15% of charter capital)

P

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.3	Công ty Cổ phần Tân Cảng Express Express Newport Joint Stock Company			0316787129 02/4/2021 Sở KHĐT TP.HCM 0316787129 02/4/2021 DPI Ho Chi Minh City	9B Tú Xương, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh 9B Tu Xuong, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.
2.4	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company			0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh 1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh	0	0	Thành viên HĐQT Đại diện phần vốn của Công ty CP Kho vận Tân Cảng Member of the BOD Representative of the capital contribution of Tan Cang Warehousing Joint Stock Company.
3	Trần Quang Thảo Tran Quang Thao		Thành viên HĐQT Member of the BOD	(C (	i :	3.509	0,018%	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution



Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				Police Dept.				of SNP (4% of charter capital)
3.1	Trần Quang Trung <i>Tran Quang Trung</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
3.2	Nguyễn Thị Hoa <i>Nguyen Thi Hoa</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
3.3	Lê Thị Kim Chi <i>Le Thi Kim Chi</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.4	Trần Quang Hiếu Tran Quang Hieu					0	0	Anh trai Older brother
3.5	Trần Thế Nguyên Tran The Nguyen					0	0	Em trai Younger brother
3.6	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation			0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution (4% of charter capital))

P

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng Tan Cang Offshore Joint Stock Company			0311638652 17/3/2012 Sở KHĐT TP.HCM 0311638652 17/3/2012 DPI Ho Chi Minh City	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh 52-54 Truong Van Bang Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Ông Trần Quang Thảo giữ chức danh Thành viên HĐQT Mr. Tran Quang Thao holds the position of the member of BOD
3.8	Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng Tan Cang Warehousing Depot Joint Stock Company			0318512521 14/6/2024 Sở KHĐT TP.HCM 0318512521 14/6/2024 DPI Ho Chi Minh City	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh 1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh	0	0	Ông Trần Quang Thảo giữ chức danh Thành viên HĐQT Mr. Tran Quang Thao holds the position of the member of BOD
4	Đoàn Phi Doan Phi		Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc Member of the BOD/ Deputy Director			2.490	0,012%	Đại diện phần vốn của TCT TCSG (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution of SNP (4% of charter capital)
4.1	Đoàn Phương Doan Phuong					3.588	0,018%	Anh trai Older brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					r u			
4.2	Đoàn Thúy Nga Doan Thuy Nga				h	0	0	Em gái Younger sister
4.3	Lê Thanh Thùy Le Thanh Thuy				h	0	0	Vợ Wife

P

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.4	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation			0300514849 30/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0300514849 30/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	722 Điện Biên Phủ, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM 722 Dien Bien Phu, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	11.797.050	59%	Người đại diện phần vốn (4% vốn điều lệ) Representative of the capital contribution (4% of charter capital))
5	Trịnh Văn Mọi Trinh Van Moi		Thành viên HĐQT Member of the BOD			25.642	0,128%	
5.1	Trịnh Hải Nam Trinh Hoai Nam					2.089	0,010%	Con Child
5.2	Trịnh Thị Thanh Hải Trinh Thi Thanh Hai					0	0	Con Child

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
5.3	Nguyễn Năng Toàn <i>Nguyen Nang Toan</i>					16.989	0,085%	Con rể <i>Son-in-law</i>
5.4	Chu Thị Huệ <i>Chu Thi Hue</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
5.5	Công ty CP Mười Lăm Tháng Ba <i>Muoi Lam Thang Ba Joint Stock Company</i>			0310091416 03/6/2010 Sở KHĐT TP.HCM 0310091416 03/6/2010 DPI Ho Chi Minh City	24 Trần Nảo, KP2, P.Bình Trưng, TP.HCM <i>24 Tran Nao, Quarter 2, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>	0	0	Ông Trịnh Văn Mọi giữ chức danh Giám đốc <i>Mr. Trinh Van Moi holds the position of Director</i>

p

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6	Bùi Văn Bằng Bui Van Bang		Phó Giám đốc Deputy Director			6.090	0,03%	
6.1	Nguyễn Thị Như Mai Nguyen Thi Nhu Mai					6.200	0,031%	Vợ Wife
6.2	Bùi Văn Thắng Bui Van Thang					0	0	Anh trai Older brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
				25/11/2007				
6.3	Bùi Văn Thiệu Bui Van Thieu					0	0	Anh trai Older brother
6.4	Bùi Thị Yến Bui Thi Yen					0	0	Em gái Younger sister

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7	Nguyễn Văn Hào Nguyen Van Hao		Phó Giám đốc Deputy Director			0	0	-
7.1	Nguyễn Văn Hiên Nguyen Van Hien					0	0	Bố đẻ Father
7.2	Hoàng Thị Nga Hoang Thi Nga					0	0	Mẹ đẻ Mother

P✓

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7.3	Nguyễn Thị Hoàn Nguyen Thi Hoan			(((		0	0	Chị gái Older sister
8	Nguyễn Thị Hồng Liên Nguyen Thi Hong Lien		Kế toán trưởng Chief Accountant	(C l		5.654	0,028%	
8.1	Nguyễn Thị Kim Hoàn Nguyen Thi Kim Hoan			(((		1.826	0,009%	Em gái Younger sister

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.2	Nguyễn Huy Bình Nguyen Huy Binh					4.587	0,023%	Chồng Husband
8.3	Nguyễn Huy Lượng Nguyen Huy Luong					0	0	Anh trai Older brother
8.4	Nguyễn Huy Khuê Nguyen Huy Khue					0	0	Anh trai Older brother

P.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.5	Nguyễn Thị Tuyết Ánh <i>Nguyen Thi Tuyen Anh</i>					0	0	Chị gái <i>Older sister</i>
8.6	Nguyễn Hồng Ánh Nguyệt <i>Nguyen Hong Anh Nguyệt</i>					0	0	Con gái <i>Daughter</i>
8.7	Nguyễn Hồng Ánh Tuyết <i>Nguyen Hong Anh Tuyen</i>					0	0	Con gái <i>Daughter</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9	Nguyễn Thị Thúy Nga Nguyen Thi Thuy Nga		Trưởng Ban kiểm soát Head of the Board of Supervisors			4.448	0,022%	
9.1	Lô Vũ Hùng Lo Vu Hung					5.998	0,030%	Chồng Husband
10	Đỗ Phương Thảo Do Phuong Thao		Thành viên BKS Member of the Board of Supervisors			0	0	

P✓

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.1	Đỗ Văn Ngàn Do Van Ngan					0	0	Bố đẻ Father
10.2	Nguyễn Mai Sinh Nguyen Mai Sinh					0	0	Mẹ đẻ Mother
10.3	Võ Hồng Vinh Vo Hong Vinh					0	0	Bố chồng Father-in-law
10.4	Hoàng Thị Thanh Hoang Thi Thanh					0	0	Mẹ chồng Father-in-law

P.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.5	Võ Hoàng Khánh Vo Hoang Khanh					0	0	Chồng Husband
10.6	Võ Hoàng Triết Vo Hoang Triet					0	0	Con trai Son
10.7	Võ Hoàng Nghiêm Vo Hoang Nghiem					0	0	Con trai Son
10.8	Đỗ Ngọc Thịnh Do Ngoc Thinh					0	0	Em trai Younger Brother

P

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					n i			
10.9	Võ Hoàng Việt Vo Hoang Viet				g	0	0	Anh trai chồng Brother-in-law
10.10	Nguyễn Ngọc Khánh Vân Nguyen Ngoc Khanh Van					0	0	Chị dâu Sister-in-law

P

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11	Đặng Thùy Trang Dang Thuy Trang		Thành viên BKS Member of the Board of Supervisors			0	0	
11.1	Phan Hoàng Giang Phan Hoang Giang					0	0	Chồng Husband
11.2	Phan Đặng Hoàng Anh Phan Dang Hoang Anh					0	0	Con trai Son
11.3	Phan Minh Anh Phan Minh Anh					0	0	Con trai Son

P.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.4	Định Thị Kim Cúc Dinh Thi Kim Cuc					0	0	Mẹ đẻ Mother
11.5	Đặng Đức Dũng Dang Duc Dung					0	0	Bố đẻ Father

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12	Lê Thị Thúy Hong Le Thi Thuy Hong		Người phụ trách quản trị công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin Corporate administrator/ Authorized person for information disclosure	()	()	0	0	
12.1	Lê Hữu Trường Le Huu Truong				1)	11.337	0,057%	Bố đẻ Father

P✓

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.2	Lê Thị Phần Le Thi Phan					0	0	Mẹ đẻ Mother
12.3	Lê Ngọc Minh Khuê Le Ngoc Minh Khue					0	0	Con gái Daughter
12.4	Lê Ngọc Minh Châu Le Ngoc Minh Chau					0	0	Con gái Daughter

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	
1	Bùi Văn Bằng	Người nội bộ	2.579	0,013%	6.090	0,03%	Mua <i>Buying</i>
2	Nguyễn Thị Nhu Mai	Người có liên quan của người nội bộ Bùi Văn Bằng	0	0%	6.200	0,03%	Mua <i>Buying</i>

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không.
Other significant issues: None.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;

As above;

- Lưu: KHKD, T03.

Archived: KHKD, T03.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Ngô Văn Ngự
Ngo Van Ngu